

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-PT  
Ngày 13-12-2021  
“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Nam Trung;

*Các Thẩm phán:* Ông Hồ Văn Phụng;

Ông Nguyễn Hoàng Thành;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Anh Thảo, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Sạch - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLPT-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST ngày 15/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 197/2021/QĐ-PT, ngày 12 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã Lâm T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

**- Bị đơn:** Ông Lê Văn N, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Kiết N, xã Lâm T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

**- Người kháng cáo:** Ông Lê Văn N là bị đơn trong vụ án.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả xét xử sơ thẩm, thì vụ án có nội dung như sau:*

**- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều L trình bày:** Năm 2018 bà và ông N tự nguyện tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Lâm T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/5/2018. Sau đám cưới, vợ chồng sống

chung bên nhà mẹ bà L được khoảng tháng 4 - 5 tháng thì ông N bỏ về nhà mẹ ông N ở cho đến nay, khi đó bà mang thai được 1,5 tháng. Gia đình hai bên có gặp gỡ để giải quyết nhưng ông N muốn vợ chồng sống chung bên nội còn bà L thì muốn sống chung bên ngoại nên không giải quyết được vấn đề. Hiện nay, bà L không còn tình cảm vợ chồng với ông N nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn chồng tên Lê Văn N.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông N có 01 con chung tên Lê Hồng T, sinh ngày 11/5/2019, hiện con đang sống chung với bà L, bà L yêu cầu được quyền nuôi con và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Lê Văn N trình bày*: Thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian kết hôn và thời gian sống chung bên vợ, sau khi cưới, vợ chồng sống chung được 4 - 5 tháng thì không sống chung cho đến nay.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, ông N có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn, nếu ly hôn thì bà L phải trả vàng và giao con cho ông thì ông đồng ý.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 người con chung tên Lê Hồng T, sinh ngày 11/5/2019 như bà L trình bày là đúng, hiện con đang sống chung với bà L, ông N yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Khi tổ chức đám cưới bên gia đình ông N và anh chị em có cho vợ chồng số vàng tổng cộng 12 chỉ vàng 24K, khi vợ chồng chung sống có mua thêm 01 chỉ vàng 24K, tổng cộng 13 chỉ và số tiền chung của vợ chồng mà bà L đang giữ là 4.000.000 đồng. Ông N yêu cầu chia đôi tài sản chung, ông không đồng ý nộp tạm ứng án phí theo Thông báo của Tòa án, ông N cho rằng khi nào bà L giao trả vàng cho ông thì ông sẽ nộp tiền án phí.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST ngày 15/7/2021, đã quyết định:

Áp dụng: Điều 5, Điều 195, Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều a khoản 5, Điều a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Kiều L được ly hôn với ông Lê Văn N.

Về con chung: Giao cháu Lê Hồng T, sinh ngày 11/5/2019 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Lê Văn N phải cấp dưỡng nuôi con đến khi con tròn 18 tuổi, số tiền cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày xét xử, ngày 15/7/2021.

Ông Lê Văn N có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Ngày 10-8-2021, bị đơn N làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết giảm mức cấp dưỡng nuôi con ở mức thấp nhất do pháp luật quy định, tạo điều kiện cho ông thực hiện cấp dưỡng nuôi con theo thu nhập thực tế hiện tại. Khi có điều kiện kinh tế ông sẽ tự nguyện bù đắp cho con.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều L không đồng ý giảm mức cấp dưỡng theo yêu cầu của bị đơn ông Lê Văn N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn L không rút đơn khởi kiện, bị đơn N không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:* về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

+ *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung kháng cáo:* Do kháng cáo của bị đơn N không có căn cứ pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn N là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm.

*[2] Về nội dung kháng cáo:*

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn N vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết: Giảm mức cấp dưỡng nuôi con ở mức thấp nhất do pháp luật quy định, tạo điều kiện cho ông thực hiện cấp dưỡng nuôi con theo thu nhập thực tế hiện tại. Khi có điều kiện kinh tế ông sẽ tự nguyện bù đắp cho con.

*Xét kháng cáo của bị đơn N thì thấy rằng:*

Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định về: “*Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*”, cụ thể như sau:

*“1. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.*

*2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.*

*3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”.*

Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định về: “*Mức cấp dưỡng*”, cụ thể như sau:

*“1. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.*

*2. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”.*

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn N trình bày: Hiện nay ông đang làm công nhân chế biến thủy sản, có thu nhập ổn định và bình quân hàng tháng khoảng 7.500.000 đồng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn N cũng thừa nhận: Chi phí để nuôi 01 đứa trẻ như con của ông, trung bình 01 ngày khoảng 100.000 đồng. Như vậy, chi phí bình quân để nuôi con trong một tháng là 3.000.000 đồng.

Hiện nay, ông N đang có thu nhập ổn định là 7.500.000 đồng/tháng và ông cũng thừa nhận chi phí để nuôi 01 đứa trẻ như con chung của ông bà trung bình là 3.000.000 đồng/tháng. Như vậy, cấp sơ thẩm xét xử buộc ông N phải cấp

dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp với thu nhập thực tế của ông N cũng như chi phí thực tế tại địa phương để nuôi con chung.

Từ những căn cứ pháp luật và những phân tích nêu trên, xét thấy toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn N không có căn cứ. Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp về mọi mặt của con chung của các đương sự. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm mức cấp dưỡng nuôi con của bị đơn N.

Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật như đã viện dẫn nêu trên, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] *Về án phí phúc thẩm:* Do kháng cáo của bị đơn N không được chấp nhận, nên bị đơn N phải chịu án phí theo qui định tại khoản 01 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 01 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

#### **Tuyên xử:**

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn N

1. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 35/2021/HNGĐ-ST, ngày 15/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng như sau:

*Áp dụng: Điều 5, Điều 195, Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5, Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.*

*Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Kiều L được ly hôn với ông Lê Văn N.*

*Về con chung: Giao cháu Lê Hồng T, sinh ngày 11/5/2019 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Lê Văn N phải cấp dưỡng nuôi con đến khi con tròn 18 tuổi, số tiền cấp dưỡng là 1.500.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày xét xử, ngày 15/7/2021.*

*Ông Lê Văn N có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai thu số 0008362 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, bà L đã nộp xong án phí.*

*Ông Lê Văn N phải chịu án phí là 300.000 đồng.*

**2.** Về án phí phúc thẩm: Bị đơn N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bị đơn N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001154, ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn N đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

**3.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Nam Trung**